

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1: HÌNH THỨC

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

(Dưới đây gọi tắt là Công ty), là doanh nghiệp do ông/bà thành lập và làm chủ sở hữu (sau đây gọi là chủ sở hữu công ty).

Công ty được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thực hiện các hoạt động kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Công ty có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN), có con dấu riêng, có tài khoản bằng tiền Việt Nam và ngoại tệ.

Chủ sở hữu Công ty chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty.

ĐIỀU 2: TÊN GỌI, TRỤ SỞ CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Trụ sở Công ty:

Email:

3. Công ty có thể lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài khi có nhu cầu và phải tuân theo các quy định của pháp luật.

4. Công ty có thể thành lập liên doanh với các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài khi được sự chấp thuận của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền.

ĐIỀU 3: NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.		
2.		

ĐIỀU 4: CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Họ và tên:..... Giới tính: Nam/Nữ
Sinh ngày: Dân tộc: ... Quốc tịch:
Chứng minh nhân dân/ Căn cước công dân/ Hộ chiếu số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Chỗ ở hiện tại:

ĐIỀU 5: VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VIỆC TĂNG GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ

1. Toàn bộ vốn điều lệ của công ty là do chủ sở hữu công ty đóng góp
2. Vốn điều lệ của công ty là :

Trong đó:

- Tiền bằng tiền mặt:
- Vốn bằng tài sản:

Thời hạn góp đủ vốn: ... /.... /2018

3. Tăng giảm vốn điều lệ:

a. Công ty thay đổi vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:

- Hoàn trả một phần vốn góp trong vốn điều lệ của công ty nếu đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho chủ sở hữu;
- Vốn điều lệ không được chủ sở hữu thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Luật doanh nghiệp;

b. Công ty tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác. Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ;

c. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải tổ chức quản lý theo một trong hai loại hình sau đây:

- Công ty trách nhiệm hai thành viên trở lên và công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thay đổi vốn điều lệ;
- Công ty cổ phần theo quy định của Luật doanh nghiệp năm 2014;

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

1. Quyền của chủ sở hữu Công ty

- a) Quyết định nội dung Điều lệ công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- b) Quyết định đầu tư, kinh doanh và quản trị nội bộ công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Quyết định tăng vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- d) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;
- đ) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty;
- e) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;
- g) Quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ công ty;

Quyền của chủ sở hữu công ty trong một số trường hợp đặc biệt:

- Trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty kết nạp thêm thành viên mới, công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc công ty cổ phần và đồng thời thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp với Cơ quan đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng, tặng cho hoặc kết nạp thành viên mới.
- Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị tạm giam, bị kết án tù hoặc bị Tòa án tước quyền hành nghề theo quy định của pháp luật, thành viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty.
- Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật là chủ sở hữu hoặc thành viên của công ty. Công ty phải tổ chức

hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày kết thúc việc giải quyết thừa kế.

Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp của chủ sở hữu được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Trường hợp chủ sở hữu công ty là cá nhân bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự thì quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty được thực hiện thông qua người giám hộ.

- Trường hợp chủ sở hữu công ty là tổ chức bị giải thể hoặc phá sản thì người nhận chuyển nhượng phần vốn góp của chủ sở hữu sẽ trở thành chủ sở hữu hoặc thành viên công ty. Công ty phải tổ chức hoạt động theo loại hình doanh nghiệp tương ứng và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

2. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu:

- a) Góp đầy đủ và đúng hạn vốn điều lệ công ty;
- b) Tuân thủ Điều lệ công ty;
- c) Phải xác định và tách biệt tài sản của chủ sở hữu công ty và tài sản của công ty. Chủ sở hữu công ty là cá nhân phải tách biệt các chi tiêu của cá nhân và gia đình mình với các chi tiêu trên cương vị là Chủ tịch công ty và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- d) Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và chủ sở hữu công ty;
- e) Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ đã góp ra khỏi công ty dưới hình thức khác thì chủ sở hữu và cá nhân, tổ chức có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty;
- f) Chủ sở hữu công ty không được rút lợi nhuận khi công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn;
- g) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều lệ công ty.

ĐIỀU 7: CON DẤU CỦA CÔNG TY

1. Doanh nghiệp có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a) Tên doanh nghiệp; địa chỉ quận, thành phố của trụ sở;
- b) Mã số doanh nghiệp;
- c) Con dấu hình tròn, kích cỡ (3,6 cm), màu mực dấu đỏ và Doanh nghiệp có 01 mẫu con dấu thống nhất về nội dung, hình thức và kích thước.

2. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Công ty có 01 con dấu, nhân viên phòng văn thư công ty quản lý, sử dụng đóng vào các văn bản công ty phát hành và lưu giữ con dấu thực hiện tại trụ sở công ty và chỉ được mang con dấu ra khỏi trụ sở chính khi được Chủ tịch Công ty chấp thuận bằng văn bản;

CHƯƠNG II

TỔ CHỨC - QUẢN LÝ - HOẠT ĐỘNG

ĐIỀU 8: QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

1. Công ty có các quyền sau:

- a. Tự chủ kinh doanh, chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh, được nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;
- b. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn;
- c. Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng;
- d. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo nhu cầu kinh doanh;
- e. Chủ động ứng dụng công nghệ khoa học hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;
- f. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ;
- g. Chiếm hữu sử dụng định đoạt tài sản của doanh nghiệp;
- h. Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định;
- i. Khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo;

- j. Trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật;
- k. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có các nghĩa vụ sau:

- a. Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành nghề kinh doanh có điều kiện;
- b. Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán;
- c. Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- d. Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo đảm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm;
- e. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;
- f. Thực hiện chế độ thống kê theo quy định của pháp luật về thống kê; định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo mẫu quy định; khi phát hiện các kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó;
- g. Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá và danh lam thắng cảnh;
- h. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9: CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

- 1. Chủ sở hữu công ty đồng thời là Chủ tịch công ty;
- 2. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch công ty/ Giám đốc công ty;
- 3. Chủ tịch công ty kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc công ty. Khi cần thiết Chủ tịch công ty có thể thuê người khác làm Giám đốc Công ty;
- 4. Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể của Giám đốc công ty được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc ký với Chủ tịch công ty;

Khi Chủ tịch công ty vắng mặt ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

ĐIỀU 10: NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

1. Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật đồng thời là Chủ tịch công ty:

Họ và tên: Giới tính: Nam/Nữ

Sinh ngày: Dân tộc: Quốc tịch: ...

Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu số:.....

Ngày cấp: Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

2. Doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trở lại làm việc tại doanh nghiệp;

b) Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

4. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích,

tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

ĐIỀU 11: CHỦ TỊCH KIỂM GIÁM ĐỐC CÔNG TY

1. Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014 và pháp luật có liên quan;

2. Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể và chế độ làm việc của Chủ tịch kiêm Giám đốc công ty thực hiện theo quy định của điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

ĐIỀU 12: GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Giám đốc công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của luật doanh nghiệp năm 2014;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế tương ứng trong quản trị Kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của công ty.

3. Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu công ty về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Giám đốc công ty có quyền sau:

- a) Tổ chức thực hiện quyết định của Chủ tịch công ty;
- b) Quyết định các vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- d) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
- e) Phê duyệt, quyết định, ký kết các giấy tờ, tài liệu liên quan và hợp đồng khi tham gia hoạt động đấu thầu;
- f) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
- g) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ tịch công ty;
- h) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Tuyển dụng lao động;
- j) Các quyền khác được quy định tại Điều lệ công ty, hợp đồng lao động mà Giám đốc ký với Chủ tịch công ty.

ĐIỀU 13: BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Giúp việc Giám đốc có 1 Phó Giám đốc điều hành, 1 nhân viên hành chính làm việc theo sự phân công của Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty, trước Chủ tịch công ty, về pháp luật và nhiệm vụ được giao thực hiện.

Kế toán trưởng công ty giúp Giám đốc chỉ đạo tổ chức, thực hiện công tác kế toán, thống kê của công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng tuân theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 14: HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hợp đồng giao dịch giữa chủ sở hữu công ty với người có liên quan của chủ sở hữu công ty phải được ghi chép lại và lưu giữ thành hồ sơ riêng của công ty.

ĐIỀU 15: QUẢN LÝ LAO ĐỘNG

1. Người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại công ty theo chế độ Hợp đồng lao động, được hưởng các quyền và có các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật lao động của nước CHXHCN Việt Nam, Nội quy lao động và Quy chế lương thưởng của Công ty.
2. Giám đốc công ty là người quyết định tuyển dụng lao động, trên cơ sở người lao động có trình độ học vấn và trình độ chuyên môn phù hợp với công việc và theo quy chế do Chủ tịch công ty ban hành.

CHƯƠNG III

TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

ĐIỀU 16: NĂM TÀI CHÍNH VÀ NĂM BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào cuối ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Riêng năm tài chính đầu tiên được tính từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào cuối ngày 31/12 năm đó.
2. Công ty thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản, chế độ chứng từ theo quy định của pháp lệnh kế toán, thống kê và các hướng dẫn của Bộ tài chính.
3. Việc thu chi tài chính của công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Trong vòng 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, công ty nộp các báo cáo tài chính theo quy định pháp luật.

ĐIỀU 17: THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

- a. Người quản lý công ty được hưởng thù lao hoặc lương và lợi ích khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.
- b. Chủ sở hữu công ty quyết định mức thù lao, lương và lợi ích khác của người quản lý công ty được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

ĐIỀU 18: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA CÔNG TY VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH

1. Hàng năm, sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước, công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ%;
- b) Quỹ phát triển kinh doanh%;
- c) Quỹ khen thưởng phúc lợi ...%;
- d) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật%.
- e)

Các quỹ khác và tỷ lệ trích lập quỹ sẽ do chủ tịch công ty quyết định tùy thuộc vào tình hình kinh doanh và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Chủ sở hữu của công ty chỉ được rút lợi nhuận của công ty khi công ty thanh toán đủ các khoản và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

Trong trường hợp công ty bị lỗ trong kinh doanh nhưng chưa đến mức phải tuyên bố giải thể theo quy định của pháp luật, thì công ty sẽ thực hiện xử lý phân lỗ như sau:

- a) Lấy tiền quỹ dự trữ bắt buộc để bù lỗ.
- b) Nếu tiền quỹ dự trữ không có hoặc có nhưng không đủ bù lỗ, thì phần lỗ còn lại phải chuyển sang năm sau trừ vào lợi nhuận của công ty.

2. Xử lý lỗ trong kinh doanh: Trường hợp kinh doanh thua lỗ, Chủ sở hữu sẽ quyết định cách thức xử lý đồng thời đưa ra các biện pháp khắc phục trong từng thời điểm.

CHƯƠNG IV

TỔ TỤNG TRANH CHẤP, GIẢI THỂ, THANH LÝ, PHÁ SẢN

ĐIỀU 19: TỔ TỤNG TRANH CHẤP

1. Tranh chấp nội bộ, công ty có thể giải quyết trên phương thức tự thoả thuận nội bộ, nếu không được sẽ thông qua cơ quan pháp luật có thẩm quyền.
2. Tranh chấp bên ngoài, công ty có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tổ tụng tranh chấp. Đại diện hợp pháp của công ty sẽ đại diện cho công ty trước pháp luật.

ĐIỀU 20: GIẢI THỂ CÔNG TY

Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của chủ sở hữu
- b) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

ĐIỀU 21: THỦ TỤC GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN

Chủ sở hữu công ty thông qua quyết định giải thể với các nội dung chủ yếu:

- a) Tên trụ sở công ty
- b) Lý do giải thể
- c) Thời hạn, thủ tục thanh lý hợp đồng và thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp; thời hạn thanh toán nợ, thanh lý hợp đồng không vượt qua 6 tháng, kể từ ngày thông qua quyết định giải thể.
- d) Phương án xử lý các chế độ phát sinh từ hợp đồng lao động ;
- e) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thông qua, quyết định giải thể phải được gửi đến cơ quan đăng ký doanh nghiệp, tất cả chủ nợ, người có quyền, nghĩa vụ và lợi ích có liên quan, người lao động trong công ty. Quyết định này phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của công ty và đăng báo viết hoặc báo điện tử trong 03 số liên tiếp.

Quyết định giải thể phải được gửi cho các chủ nợ kèm theo thông báo về phương án giải quyết nợ. Thông báo phải có tên, địa chỉ của chủ nợ, số nợ, thời hạn, địa điểm và phương thức thanh toán số nợ đó; cách thức và thời hạn giải quyết khiếu nại của chủ nợ.

Thanh toán các khoản nợ của doanh nghiệp:

- a. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật và các quyền lợi khác của người lao động theo thoả ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- b. Nợ thuế và các khoản nợ khác.

Sau khi đã thanh toán hết các khoản nợ và chi phí giải thể công ty, phần còn lại thuộc về chủ sở hữu công ty.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày thanh toán hết nợ của công ty, người đại diện theo pháp luật phải gửi hồ sơ giải thể công ty đến cơ quan đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp công ty bị thu hồi GCNĐKDN. Công ty sẽ giải thể trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày bị thu hồi GCN ĐKDN.

ĐIỀU 22: PHÁ SẢN

Việc phá sản của công ty được thực hiện theo thủ tục của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

ĐIỀU 23: ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều lệ này được áp dụng trong Công ty, mọi nhân viên trong công ty có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh điều lệ này.

ĐIỀU 24: SỬA ĐỔI BỔ SUNG

Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung theo quyết định của chủ sở hữu công ty.

ĐIỀU 25: HIỆU LỰC

Điều lệ này được lập thành 5 chương, 25 điều và được chủ sở hữu thông qua.

Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua bởi Chủ sở hữu công ty.

....., ngày ... tháng năm 201...

CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

(Ký và ghi rõ họ tên)